

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	<i><u>TRANG</u></i>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thu
Ông Trần Đức Lợi
Ông Thái Văn Thấu

Chủ tịch
Phó chủ tịch, Tổng Giám đốc
Thành viên Hội đồng Quản Trị

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Tấn
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh
Ông Nguyễn Tất Thắng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

TRẦN ĐỨC LỢI
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 15 kèm theo, được lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác.

Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		38.012.716.023	35.686.280.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.711.343.810	4.956.840.310
1. Tiền	111		17.711.343.810	4.456.840.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	15.163.750.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	15.163.750.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	5.482.508.980	15.469.173.137
1. Trả trước cho người bán	132		122.112.500	122.112.500
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		381.299.714	1.240.583.230
3. Các khoản phải thu khác	138		4.979.096.766	14.106.477.407
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	18.992.925
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.818.863.233	77.524.408
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	14.818.863.233	77.524.408
B. Tài sản dài hạn	200		1.487.277.804	2.529.616.043
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		842.104.419	1.845.266.861
1. TSCĐ hữu hình	221	8	538.093.019	1.367.534.661
- Nguyên giá	222		2.707.273.660	2.644.716.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.169.180.641)	(1.277.182.219)
2. TSCĐ vô hình	227	9	304.011.400	477.732.200
- Nguyên giá	228		521.162.400	521.162.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(217.151.000)	(43.430.200)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		645.173.385	684.349.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	43.241.065	205.170.446
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	216.399.200	143.441.584
3. Tài sản dài hạn khác	268	12	385.533.120	335.737.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.499.993.827	38.215.896.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		4.475.644.849	6.307.352.625
I. Nợ ngắn hạn	310		4.475.644.849	6.307.352.625
1. Phải trả cho người bán	312		-	20.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	13	22.640.915	125.050.839
3. Phải trả công nhân viên	315		85.000.000	106.442.174
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	556.689.831	205.381.929
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	3.811.314.103	5.845.437.683
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	5.040.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		35.024.348.978	31.908.544.198
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	35.024.348.978	31.908.544.198
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.348.978	(3.091.455.802)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.499.993.827	38.215.896.823
	Mã số			
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		5.625.539	2.187.569
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		5.625.539	2.187.569
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		5.625.539	2.187.569
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084		-	-

HOÀNG THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

TRẦN ĐỨC LỢI

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.790.783.948	3.968.307.829
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.219.769.427	1.486.450.785
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6.436.250.000	2.363.750.000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	909.909
- Doanh thu khác	01.9		134.764.521	117.197.135
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.790.783.948	3.968.307.829
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11		463.707.797	352.483.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.327.076.151	3.615.824.563
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	4.274.257.281	3.709.490.690
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.052.818.870	(93.666.127)
8. Thu nhập khác	31		71.102.236	149.524.803
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		71.102.236	149.524.803
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.123.921.106	55.858.676
12. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		8.116.326	-
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.115.804.780	55.858.676

HOÀNG THỊ HƯƠNG
Kế toán trưởng
 Ngày 16 tháng 3 năm 2011

TRẦN ĐỨC LỢI
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	3.123.921.106	55.858.676
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.065.719.222	786.466.284
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(49.795.968)	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(6.416.250.000)	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.276.405.640)	842.324.960
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.827.632.284)	13.326.288.016
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	18.992.925	(18.992.925)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(1.839.824.102)	4.625.729.886
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	161.929.381	205.443.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.762.939.720)	18.980.793.833
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(62.556.780)	(1.131.255.074)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.220.000.000)	(27.363.750.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.800.000.000	12.200.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.517.443.220	(16.295.005.074)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.754.503.500	2.685.788.759
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.956.840.310	2.271.051.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	17.711.343.810	4.956.840.310

HOÀNG THỊ HUƠNG

Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

TRẦN ĐỨC LỢI

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định thành lập Số 75/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/12/2007 và Quyết định thành lập điều chỉnh số 162/UBCK-GP ngày 10/11/2008.

Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch tiếng Anh là A Au Securities Company.

Trụ sở chính đặt tại tầng 2, tòa nhà số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định thành lập, ngành nghề kinh doanh của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với các khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với các khoản lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá trị vốn góp đầu tư so với giá trị tài sản thuần của Công ty tại tổ chức kinh tế được xác định tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	03
Thiết bị quản lý	03
Tài sản khác	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 3 năm.

Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

4. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	15.600.054.997	-
Tiền gửi ngân hàng	138.396.164	195.307.830
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.664.279.373	2.016.661.790
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	308.613.276	2.744.870.690
Cộng	17.711.343.810	4.956.840.310

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (đồng)
a) Của Công ty Chứng khoán	-	-
b) Của nhà đầu tư	24.982.760	625.388.890.000
- Cổ phiếu	24.888.200	624.606.542.000
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	94.560	782.348.000
Tổng cộng	24.982.760	625.388.890.000

6. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Trả trước cho người bán	122.112.500	122.112.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	381.299.714	1.240.583.230
Phải thu khác (*)	4.979.096.766	14.106.477.407
Cộng	5.482.508.980	15.469.173.137
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	5.482.508.980	15.469.173.137

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác:	31/12/2010	01/01/2010
Úng tiền cho các thành viên Hội đồng Quản trị	4.834.000.000	12.500.000.000
Bà Hoàng Thị Hương mượn tiền	-	974.054.997
Ông Trương Minh Trang mượn tiền	-	500.000.000
Phải thu BHXH, BHYT, và thuế TNCN của nhân viên	141.457.491	132.422.410
Phải thu khác	3.639.275	-
Cộng	4.979.096.766	14.106.477.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Tạm ứng đầu tư	14.816.690.297	-
Tạm ứng khác	2.172.936	77.524.408
Cộng	14.818.863.233	77.524.408

8. Tài sản cố định hữu hình	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/10	1.336.794.943	445.149.040	862.772.897	2.644.716.880
Tăng trong năm	62.556.780	-	-	62.556.780
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/10	1.399.351.723	445.149.040	862.772.897	2.707.273.660
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/10	488.006.972	244.786.567	544.388.680	1.277.182.219
Khấu hao trong năm	445.598.314	158.809.143	287.590.965	891.998.422
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/10	933.605.286	403.595.710	831.979.645	2.169.180.641
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/10	848.787.971	200.362.473	318.384.217	1.367.534.661
Tại ngày 31/12/10	465.746.437	41.553.330	30.793.252	538.093.019

9. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm giao dịch chứng khoán
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/10	521.162.400
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/10	521.162.400
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 01/01/10	43.430.200
Khấu hao trong năm	173.720.800
Tại ngày 31/12/10	217.151.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/10	477.732.200
Tại ngày 31/12/10	304.011.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	205.170.446	410.614.342
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(161.929.381)	(205.443.896)
Tại ngày 31 tháng 12	(*) 43.241.065	205.170.446
 (*) Bao gồm:	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ dụng cụ	43.241.065	39.170.446
Chi phí trước thành lập	-	166.000.000
Cộng	43.241.065	205.170.446
Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 13 đến 36 tháng.		
 11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	143.441.584	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	61.261.069	4.662.498
Tiền lãi phân bổ trong năm	11.696.547	18.779.086
Tại ngày 31 tháng 12	216.399.200	143.441.584
 12. Tài sản dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Đặt cọc thuê văn phòng tại 137 Lê Quang Định	385.533.120	335.737.152
Cộng	385.533.120	335.737.152
 13. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2010	01/01/2010
Thuế TNDN phải nộp	8.116.326	-
Thuế thu nhập cá nhân - công nhân viên	14.524.589	124.925.757
Cộng	22.640.915	125.050.839
 14. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
BHXX, BHYT, BHTN	207.619.739	97.590.880
Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	37.128.527	21.263.681
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	13.372.950	23.817.318
Các khoản phải trả khác	298.568.615	62.710.050
Cộng	556.689.831	205.381.929
 15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư	3.811.314.103	5.845.437.683
Cộng	3.811.314.103	5.845.437.683

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn điều lệ	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(3.091.455.802)	3.115.804.780	-	24.348.978
Cộng	31.908.544.198	3.115.804.780	-	35.024.348.978

Chi tiết vốn đầu tư

	Tại ngày 31/12/2010			Tại ngày 01/01/2010	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ	Số lượng CP
Cổ đông sáng lập					
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	49,43%	1.730.000	17.300.000.000	49,43%	1.730.000
Ông Trần Đức Lợi	48,57%	1.700.000	17.000.000.000	48,57%	1.700.000
Ông Trần Văn Thấu	2,00%	70.000	700.000.000	2,00%	70.000
Cộng	2%	3.500.000	700.000.000	100%	3.500.000

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	1.333.582.812	1.294.484.176
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	276.416.306	34.588.061
Khấu hao TSCĐ	1.065.719.222	786.466.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	903.857.709	682.502.031
Chi phí thuê văn phòng	631.303.590	785.469.696
Chi phí bằng tiền khác	63.377.642	125.980.442
Cộng	4.274.257.281	3.709.490.690

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	3.123.921.106	55.858.676
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lỗ các năm trước chuyển sang	(3.091.455.802)	(55.858.676)
Thu nhập chịu thuế	32.465.304	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.116.326	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.116.326	-

19. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan

Tại ngày 31/12/2010, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nghiệp vụ	31/12/2010	31/12/2009
Ông Phạm Thu	Chủ tịch HĐQT	Phải thu đầu tư	4.834.000.000	12.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

HOÀNG THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

TRẦN ĐỨC LỢI

Tổng Giám đốc